

Chiến lược phát triển KHCN: Ba yếu tố đảm bảo thành công

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ **NGUYỄN QUÂN**

Với quan điểm khoa học và công nghệ (KHCN) phải đóng vai trò động lực then chốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược

phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020 (Chiến lược) tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012. Chiến lược đã đặt ra các mục tiêu quan trọng cho phát triển KHCN. Mặc dù có một hệ thống các giải pháp cụ thể, nhưng Chiến lược chỉ có thể triển khai thành công nếu có 3 yếu tố đóng vai trò quyết định.

Đầu tư cho KHCN là đầu tư cho sự phát triển bền vững.

Ý chí của các cấp lãnh đạo, quản lý

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc KHCN chưa phát triển được như kỳ vọng trong gần 17 năm qua kể từ khi Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII được ban hành, đó là các cấp lãnh đạo, quản lý chưa nhận thức được hết vai trò của KHCN đối với sự phát triển của đất nước, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi các yếu tố từng tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trong thời gian qua (tài nguyên thiên nhiên, nhân công dồi dào và rẻ, tháo gỡ cơ chế cũ lạc hậu) đang dần mất đi. Do đó, nhiều rào cản đối với sự phát triển của KHCN chưa được quan tâm tháo gỡ: Nguồn đầu tư ít ỏi cho KHCN bị phân bổ không hợp lý và thường xuyên bị sử dụng sai mục đích; các nhà khoa học chưa được tôn trọng, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng; những quy định mang nặng tính hành chính và lỗi thời đã làm giảm hiệu quả nghiên cứu khoa học và nguy hiểm hơn làm xói mòn sự say mê nghiên cứu của các nhà khoa học.

Câu chuyện vươn lên một cách thần kỳ của các nước có điều kiện phát triển tương đồng với Việt Nam như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaixia... đã cho chúng ta nhiều minh họa sinh động, thậm chí đã trở thành giai thoại về sự hỗ trợ vô giá của những nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước đối với KHCN. Chỉ với sự quan tâm thực sự như vậy, KHCN mới có thể thoát khỏi tư duy cũ với vô số ràng buộc hành chính và có những



chính sách đột phá, thậm chí không có tiền lệ để trở thành động lực cho sự phát triển của đất nước họ.

Việc Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội, Chính phủ đã và đang chuẩn bị ban hành các văn bản quan trọng nhất về KHCN cho thấy KHCN nước ta chưa bao giờ đứng trước thời cơ thuận lợi như hiện nay. Điều quan trọng là mỗi người làm lãnh đạo, quản lý dù ở cấp nào cũng cần phải nhận thức sâu sắc: KHCN là yếu tố quan trọng nhất để phát triển đất nước, đưa đất nước trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, để từ đó có những quyết sách mạnh mẽ và hành động quyết liệt thúc đẩy phát triển KHCN. Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ quan tâm chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực cho phát triển KHCN, điều phối các cơ quan xây dựng cơ chế chính sách thật sự đổi mới và tiệm cận với thông lệ quốc tế, xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân thiếu trách nhiệm trong việc chăm lo cho ngành KHCN. Lãnh đạo các bộ, ngành ở Trung ương phải tập trung nguồn lực cho các đề tài, dự án tạo ra sản phẩm chủ lực, nâng cao năng lực cho các tổ chức KHCN mạnh, giao nhiệm vụ đúng người, đúng tầm. Lãnh đạo các địa phương phải chỉ đạo bố trí đủ kinh phí ngân sách cho các dự án đầu tư phát triển, thực hiện các đề tài nghiên cứu, yêu cầu các sở, ngành phải sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí được giao cho phát triển KHCN, yêu cầu các dự án đầu tư trên địa bàn (kể cả các dự án FDI) phải được đánh giá trình độ công nghệ và khả năng chuyển giao công nghệ, yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư cho quỹ phát triển KHCN...

Đầu tư xã hội cho KHCN

Mặc dù KHCN đã được Nhà nước quan tâm dành 2% tổng chi ngân sách Nhà nước, một tỷ lệ tương đối cao so với thế giới, nhưng trong điều kiện đất nước còn nghèo, phần lớn (khoảng 90%) kinh phí này được dành cho chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của các tổ chức KHCN công lập, phần kinh phí thực sự dành cho hoạt động nghiên cứu là rất nhỏ so với nhu cầu



Áp dụng công nghệ sinh học đã giúp nâng cao đáng kể năng suất và chất lượng quả Thanh Long.

phát triển KHCN phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong khi đó, tiềm lực của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước, là rất lớn. Thống kê của Bộ Tài chính cho thấy, nếu tất cả các doanh nghiệp Việt Nam đều trích 10% lợi nhuận trước thuế để thành lập quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp thì tổng vốn các quỹ này thu hút được sẽ gấp 2 lần đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Nếu được như vậy, chúng ta sẽ có đủ nguồn lực mà Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020 đã đặt ra (tổng đầu tư xã hội cho KHCN đạt 2% GDP vào năm 2020) để tạo nên bước phát triển đột phá cho KHCN. Vì vậy, các doanh nghiệp ở mọi thành phần kinh tế phải quan tâm dành tỷ lệ nhất định lợi nhuận trước thuế để đầu tư cho quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải thực sự là trung tâm của quá trình đổi mới công nghệ, vừa là nguồn cầu công nghệ vừa là nguồn cung công nghệ (thông qua việc thành lập các đơn vị nghiên cứu phát triển của chính mình).

Cần phải nhìn nhận khách quan

rằng, đầu tư cho KHCN không chỉ là nghĩa vụ mà còn là quyền lợi, là đầu tư cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh suy giảm kinh tế toàn cầu như hiện nay. Đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa chính là giải pháp tốt nhất để các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Thực tế cho thấy, sau một thời gian phát triển nóng cùng thị trường chứng khoán, những doanh nghiệp phát triển bền vững nhất chính là những doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, nên đã trụ vững ngay cả trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

Bên cạnh đó, cần khai thác nguồn đầu tư của nước ngoài thông qua các dự án hợp tác quốc tế, các nhiệm vụ nghiên cứu chung theo nghị định thư, cho phép thành lập các tổ chức KHCN có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam...

Đội ngũ cán bộ khoa học

Không có bất kỳ chiến lược nào có thể triển khai thành công nếu thiếu yếu tố con người, đặc biệt trong lĩnh vực đòi

hội trình độ và chuyên môn cao như KHCN. Nghị quyết số 20/NQ-TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KHCN đã nhấn mạnh “Nhân lực KHCN là tài nguyên vô giá của đất nước”; đồng thời khẳng định, Đảng và Nhà nước có trách nhiệm và chính sách đặc biệt phát triển, trọng dụng và phát huy tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KHCN.

Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, cho dù sự ưu đãi còn hạn chế, nhưng chúng ta vẫn cần có một đội ngũ các nhà khoa học tâm huyết, sáng tạo, tự trọng với nghề, những người sẵn sàng vượt qua những khó khăn, thiếu thốn về vật chất, điều kiện làm việc để có những đóng góp thực sự ý nghĩa cho nền khoa học Việt Nam. Từng bước, chúng ta sẽ có chính sách ưu đãi các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học chủ trì nhiệm vụ KHCN quốc gia, nhà khoa học trẻ thực

sự tài năng. Bên cạnh niềm tự hào với những tấm gương xuất sắc như: GS. Ngô Bảo Châu, GS. Đàm Thanh Sơn... chúng ta phải làm sao tạo dựng được các cơ sở nghiên cứu xuất sắc, đạt trình độ quốc tế, đặc biệt là những tập thể khoa học mạnh và hệ thống doanh nghiệp KHCN. Cần phải đào tạo được một thế hệ cán bộ KHCN đạt trình độ quốc tế, các tổng công trình sư, kỹ sư trưởng... tài năng, gắn tên tuổi của họ với các công trình lớn của đất nước. Đặc biệt là thế hệ các nhà khoa học trẻ, những người với năng lực sáng tạo không giới hạn, sự đam mê và sự hy sinh lớn lao cho khoa học sẽ không chỉ là cầu nối về khoa học giữa thế giới với Việt Nam, là minh chứng cho tài năng của con người Việt Nam, mà còn là nguồn tài nguyên trí tuệ tạo ra những sản phẩm khoa học có giá trị, xứng đáng với mong đợi của đất nước và nhân dân. ❖

Mục tiêu của Chiến lược Phát triển KHCN 2011-2020

Mục tiêu tổng quát: Phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, đưa KHCN thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2020, KHCN Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020: giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% GDP. Giá trị giao dịch của thị trường KHCN tăng trung bình 15-17%/năm.
- Số lượng đăng ký quốc tế từ các đề tài nghiên cứu sử dụng Ngân sách Nhà nước tăng trung bình 15-20%. Số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ giai đoạn 2011-2015 tăng 1,5 lần so với 5 năm trước và giai đoạn 2016-2020 tăng 2 lần so với 2011-2015.
- Tổng đầu tư của xã hội cho KHCN đạt trên 2% GDP quốc gia, trên cơ sở vẫn duy trì 2% tổng chi ngân sách của nhà nước (NSNN) cho KHCN nhưng phải huy động được đầu tư của xã hội, của doanh nghiệp nhiều hơn so với đầu tư từ NSNN.
- Đến năm 2015, số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 9-10 người/1 vạn dân và từ 11-12 người/1 vạn dân vào năm 2020. Đào tạo và sát hạch theo chuẩn quốc tế từ 5.000 đến 10.000 kỹ sư đủ năng lực quản lý và điều hành dây chuyền sản xuất công nghệ cao (CNC).
- Năm 2015, hình thành 30 tổ chức nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đạt trình độ khu vực và thế giới, 3.000 doanh nghiệp KHCN, 30 cơ sở ươm tạo CNC. Năm 2020, những con số này lần lượt sẽ là 60, 5.000 và 60.
- Giá trị sản xuất những sản phẩm ứng dụng công nghệ cao chiếm tỷ trọng trên 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của đất nước.